

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HSPT

Ngày 28-3-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Bình

Bà Đinh Thị Như Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 21/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Siu D do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo: **Siu D**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984 tại tỉnh Gia Lai. Nơi thường trú: Làng Q, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Làng D, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Gia rai; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kpă B và bà Siu H; sống chung như vợ chồng với chị Ksor Ph và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo ra đầu thú ngày 22/8/2023 và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trương Thị P – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Chị Ksor Ph, sinh năm: 1996; địa chỉ: Làng D, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người phiên dịch: Bà Nay H, công tác tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 21/8/2023, giữa Siu D và Ksor Ph, sinh năm 1996, trú tại làng D, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (chung sống như vợ chồng) xảy ra mâu thuẫn. Chị Ksor Ph đuổi D ra khỏi nhà và không muốn sống chung. Lúc này, chị Ph đi ra sau vườn lấy 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng) đã cất giấu dưới gốc cây cà phê trước đó để chi tiêu. D đi theo và nhìn thấy nên có ý định lấy tiền của chị Ph. Siu D to tiếng với chị Ph và nói muốn bỏ D thì phải bồi thường theo lệ làng, rồi yêu cầu chị Ph phải đưa tiền nhưng chị Ph không đồng ý. Siu D đe dọa, giằng co và lấy toàn bộ số tiền 8.500.000 đồng trong túi quần của chị Ph. Sau đó, Siu D đi ra ngoài sân thì chị Ph đuổi theo đòi lại tiền nhưng D không trả mà có hành vi chửi bới, dùng tay tát vào mặt, dùng chân đá vào vùng bấp chân làm chị Ph sợ nên không dám nói gì. Do trước đó nhìn thấy vị trí chị Ph lấy tiền ở gốc cây cà phê nên D tiếp tục đi ra vườn lục tìm và lấy toàn bộ số tiền còn lại là 71.000.000 đồng (bảy mươi một triệu đồng). Chị Ph chạy đến giằng lại tiền nhưng bị D dùng tay gạt và đẩy ra. Siu D đến lấy xe mô tô BKS: 81B2 – 369-85 định rời đi thì bị chị Ph giằng xe lại và định lấy chìa khóa không cho D đi. Bị ngăn cản, D liền đe dọa và nói “mày không bỏ tay ra thì tao sẽ đánh gãy tay mày”. Do lo sợ bị đánh nên chị Ph bỏ tay ra thì D nổ máy xe điều khiển chạy về nhà bố mẹ tại làng Q, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Sau khi sự việc xảy ra gia đình Ph đã gọi điện thoại và nhắn tin cho D yêu cầu D trả lại số tiền vì đây là tiền của mẹ chị Ph nhưng D không trả và còn thách thức lại gia đình của chị Ph.

Đến ngày 22/8/2023, sau khi biết chị Ph tố cáo hành vi của mình đến Cơ quan Công an nên Siu D đã đến Cơ quan Công an huyện Đ đầu thú, khai nhận toàn bộ vụ việc như đã nêu trên. Tổng số tiền mà Siu D đã chiếm đoạt của chị Ksor Ph là 79.500.000đ (bảy mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ thẩm số 13/2024/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Siu D phạm tội “*Cướp tài sản*”

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Siu D 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/8/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Kháng cáo của bị cáo, bị hại:

Ngày 02/02/2024, bị cáo Siu D và bị hại chị Ksor Ph có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo. Không cung cấp tài liệu gì.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trương Thị P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, không hiểu biết pháp luật nên không hiểu được hành vi của mình, chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Siu D xác nhận có lấy của chị Ksor Ph tổng số tiền 79.500.000 đồng như nội dung bản án sơ thẩm nhưng không có ý định cướp mà vì bị chị Ksor Ph đuổi ra khỏi nhà nên bị cáo giữ tiền để thể hiện còn yêu thương chị Ksor Ph.

Chị Ksor Ph xác nhận nội dung vụ án như bản án sơ thẩm, xác nhận bị cáo đã đe dọa, chửi bới, dùng tay tát vào mặt, dùng chân đá vào người chị để chiếm đoạt số tiền này, sau đó còn thách thức chị chứ không có ý trả lại. Khi chị đi trình báo, Cơ quan Công an yêu cầu làm việc thì bị cáo mới trả cho chị. Chị cho rằng lời khai của bị cáo tại phiên tòa không đúng.

Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, trong ngày 21/8/2023 bị cáo đã dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực đối với bị hại Ksor Ph rồi chiếm đoạt tổng số tiền 79.500.000 đồng, phía bị hại nhắn tin yêu cầu trả lại nhưng bị cáo không trả và còn thách thức “*Gọi cho công an đi tao thích ngồi nhà tù rồi đấy*”.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2] Về kháng cáo của bị cáo, bị hại: Xét Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ, đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để xử bị cáo mức án khởi điểm khung hình phạt, bị cáo kháng cáo nhưng không phát sinh tình tiết giảm nhẹ nào mới, tại phiên toà phúc thẩm bị cáo không thể hiện bản thân đã ăn năn hối cải mà còn khai báo quanh co để mong giảm nhẹ hình phạt. Cho thấy mức án Toà án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo là thoả đáng, cấp phúc thẩm không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Siu D, bị hại Ksor Ph. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Siu D **07** (Bảy) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/8/2023.

2. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Siu D.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- CQCSĐT huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- TAND huyện Đ(2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu VT, THS, HSVA.

Nguyễn Thị Kim Hồng

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hồng